

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 409/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 tháng 8 năm 2022  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Châu Văn Bình**
2. Ông **Nguyễn Văn Vẹn**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ**, thư ký Tòa án nhân dân huyện C

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2022/QĐST - DS ngày 11/8/2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Nguyễn Văn Ô – sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T

\* Bị đơn: Trần Thị Thu T - sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T

Ông Ô có đơn xin vắng mặt;

Bà T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn Ô trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi và bà T cưới nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cuộc sống nên chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn, gây gỗ, cãi nhau, đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ tháng 03/2022 đến nay chúng tôi đã ly thân. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với chị T

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Văn N – sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Ngọc X – sinh năm 1996. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn bà Trần Thị Thu T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Ô

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Văn Ô khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Thu T do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do bà T có hộ khẩu thường trú tại: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T

Ông Ô có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ô. Riêng đối với bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Ô, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Ô trình bày ông và bà T cưới nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh T, quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cuộc sống nên chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi nhau, đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, từ tháng 03/2022 đến nay ông bà đã ly thân. Riêng bà T đã triệu tập nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng bà vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Ô, từ đó cho thấy bà T không muốn hàn gắn hay níu kéo mối quan hệ vợ chồng với ông Ô, từ đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ô

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ô phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Ô. Ông Nguyễn Văn Ô được ly hôn với bà Trần Thị Thu T

2. Án phí: Ông Nguyễn Văn Ô phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024872 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, như vậy ông Ô đã thi hành xong.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C
- UBND xã L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





